BÀN VỀ DỰ BÁO TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ

Dương Văn Quảng*

Tóm tắt

Từ xa xưa con người đã tìm cách đoán biết những gì sẽ diễn ra. Phương thức dự đoán mang mầu sắc thần bí và số mệnh. Sau đó, tuỳ thuộc vào trình độ phát triển của khoa học, con người từng bước sử dụng trí thức để phỏng đoán. Vì vậy, phỏng đoán ngày càng có cơ sở và kết quả phỏng đoán cũng sát thực tế hơn. Với lý do đó người ta chuyển từ phỏng đoán sang dự báo. Kết quả dự báo chỉ thực sự được sử dụng và ít nhiều có độ tin cậy từ nửa cuối thế kỷ XX. Có người gọi dự báo là nghiên cứu viễn cảnh; thậm chí có người coi dự báo là tương lai học. Song dù tên gọi là gì và phương pháp tiếp cận ra sao, dự báo là một phương pháp nghiên cứu không thể bỏ qua trong thời đại thông tin và khoa học công nghệ. Bài viết này đưa ra một số khái niệm có liên quan tới dự báo, đồng thời trên cơ sở thực tế của thế kỷ XX để đưa ra một số dự báo cho quan hệ quốc tế trong thế kỷ XXI.

Từ khóa: dự báo, dự đoán, quá khứ và hiện tại, quan hệ quốc tế thế kỷ XX, quan hệ quốc tế thế kỷ XXI

Từ xa xưa con người đã tìm cách đoán biết những gì sẽ diễn ra. Phương thức dự đoán mang mầu sắc thần bí và số mệnh. Sau đó, tuỳ thuộc vào trình độ phát triển của khoa học, con người từng bước sử dụng trí thức để phỏng đoán. Vì vậy, phỏng đoán ngày càng có cơ sở và kết quả phỏng đoán cũng sát thực tế hơn. Với lý do đó người ta chuyển từ

* PGS, TS, nguyên Giám đốc Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao.

phỏng đoán sang dự báo. Kết quả dự báo chỉ thực sự được sử dụng và ít nhiều có độ tin cậy từ nửa cuối thế kỷ XX. Có người gọi dự báo là nghiên cứu viễn cảnh; thậm chí có người coi dự báo là tương lai học. Song dù tên gọi là gì và phương pháp tiếp cận ra sao, dự báo là một phương pháp nghiên cứu không thể bỏ qua trong thời đại thông tin và khoa học công nghệ.

Dự báo và dự đoán

Nếu phân tích tiếng Việt ta thấy trong hai hành vi này có một phần chung là "dự", có nghĩa là "trù liệu tương lai". Do vậy, ta có đủ các loại "dự": *dự kiến, dự liệu, dự phòng, dự trù....* Xuất phát điểm của hai hành vi này là nhu cầu muốn hiểu trước những gì diễn ra trong tương lai. Song, động cơ của dự đoán và dự báo hoàn toàn khác nhau.

Dự đoán

Điều khác nhau giữa *dự đoán* và *dự báo* chính là hình vị thứ hai; cụ thể là một bên là "đoán", một bên là "báo". Từ xưa đến nay, con người sử dụng *dự đoán* hơn là *dự báo*. Trước hết nói về dự đoán. Trong tiếng Việt, khi nói "*đoán*" có nghĩa là không có gì ràng buộc về phương pháp cũng như cơ sở của *dự đoán* không nhất thiết giống nhau. Từ xa xưa người Việt dùng nhiều công cụ khác nhau để dự đoán như mai rùa, que, vân tay, sao trời… và dùng cả thơ nữa để *dự đoán* như bói Kiều.

Động cơ dự đoán, hay bói cũng rất đa dạng. Ai cũng có nhu cầu muốn biết tương lai, tương lai của bản thân, tương lai của người thân, hay tương lai của mọi sự vật liên quan. Nhưng biết tương lai để làm gì? Có người muốn biết vì tò mò; có người lo ngại và muốn tránh điềm xấu. Xa hơn nữa, có người muốn sửa đổi tương lai. Xuất phát từ động cơ trên mà mọi người muốn dự đoán tương lai. Có người tự làm dự đoán, có người nhờ người khác dự đoán hộ.

Cơ sở dự đoán cũng không giống nhau. Nhìn chung, dự đoán luôn dựa vào hậu vận và hiện tại. Để có thêm sức mạnh cho kết quả dự đoán, người ta có thể viện dẫn thêm số mệnh, tử vi và những yếu tố siêu nhiên, thần bí. Đôi khi, người ta chỉ căn cứ vào một hiện tượng cá biệt nào đó để phòng tác hại cho tương lai.

Về phương pháp, dự đoán không có cơ sở khoa học, hoàn toàn mang tính chủ quan và phiến diện, mặc dù nó dựa trên nhiều thông tin xác thực. Một trong những điều quan trọng là cách khai thác thông tin. Thông tin chính xác, nhưng cách thức xử lý thông tin không tương thích sẽ cho kết quả không chuẩn xác, mang nặng tính thiên vị của người khai thác thông tin. Dự đoán thường chỉ đưa ra một kết quả và theo đó ta sẽ tiếp cận tương lai theo một con đường rất hẹp, không có khả năng sáng tạo. Người chấp nhận kết quả đó của dự đoán sẽ mang một lòng tin mù quáng. Khi tương lai không diễn ra như dự đoán, lòng tin sẽ sụp đổ và cũng không có bất cứ ràng buộc trách nhiệm nào.

Dự báo

Phân tích hành vi dự đoán cả dưới góc độ ngôn ngữ và nghiên cứu nhằm giúp chúng ta suy nghĩ sâu sắc hơn về dự báo được nhìn nhận như một phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế. Với tư cách là một phương pháp nghiên cứu, dự báo hoàn toàn xa lạ với dự đoán cả về động cơ, cơ sở, phương pháp và kết quả. Hơn thế nữa, dự báo không phải là một hành vi đơn lẻ vì mục đích thoả mãn sự tò mò của một cá nhân. Đây là một quy trình nghiên cứu dựa trên cơ sở khoa học được đặc trưng bởi những nguyên tắc chuyên môn, bao gồm nhiều công đoạn khác nhau và nhằm nhận thức đúng tương lai, nắm bắt được những xu thế phát triển cơ bản của nó để từ đó kiến nghị nhiều kịch bản giải pháp ứng phó khác nhau. Tương lai ở đây chính là tương lai của thế giới và quan hệ quốc tế.

Có hai loại dự báo: dự báo thông thường và dự báo chiến lược. Trong quan hệ quốc tế, ta chỉ nên xem xét dự báo chiến lược. Theo Nữu

Tiến Chung, "gọi là dự báo chiến lược, trên thực tế là đưa ra lời dự báo đối với xu thế phát triển tương lai của môi trường chiến lược thế giới".[1] Định nghĩa này quá tổng quát nên không rõ ràng. Theo chúng tôi, *dự báo chiến lược là sự cố gắng nhận diện thế giới trong chừng mực có thể cả về mô hình, đặc điểm, xu thế phát triển cũng như vai trò và mối quan hệ giữa các chủ thể trọng yếu trong một giới hạn không gian - có thể rộng hoặc hẹp - và trong một thời gian nào đó, thường là cấp số nhân của 5, vậy có thể là 10, 15, 20...*

Đã nói đến dự báo tương lai nghĩa là chấp nhận xác suất về cơ hội xuất hiện, nhất là dự báo về thế giới. Để tránh phiến diện, chủ quan và phòng ngừa những bất ngờ không lường hết, dự báo phải xây dựng nhiều kịch bản khác nhau. Tương ứng với mỗi kịch bản sẽ có một phương thức ứng xử thích hợp. Các kịch bản không phải đối chọi nhau mà khác nhau về mức độ. Thông thường dự báo đưa ra 3 kịch bản: tối đa, tối thiểu và vừa phải. Điều này không có nghĩa là tương lai sẽ diễn ra trong khuôn khổ của một trong ba kịch bản đó. Xác suất tốt nhất là tương lai không vượt hẳn ra ngoài khuôn khổ của kịch bản tối đa hay tối thiểu. Nói cách khác, cả ba kịch bản đều phải dự báo theo một chiều hướng phát triển của sự vật. Điều này không loại trừ khả năng giữa các nhóm hay cá nhân khác nhau sẽ dự báo tương lai trái ngược nhau.

Tính phức tạp của dự báo trong quan hệ quốc tế

Dự báo là cố gắng nhìn vào tương lai của thế giới trong khi tương lai luôn là bí ẩn và hơn thế nữa thế giới và môi trường thế giới lại luôn biến động, không hẳn đã theo quy luật. Dự báo là một dạng dự đoán có giới hạn, có cơ sở và dựa vào quy luật. Vậy câu hỏi đầu tiên trong dự báo là nhìn vào tương lai bao xa? Theo logic thông thường thời gian để dự báo càng ngắn càng cho kết quả sát với thực tế. Nhưng dự báo quá gần

[1] Nữu Tiến Chung, *Dự báo chiến lược thế kỷ XXI*, Tiếng Việt, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội 2002, trg 19.

thì sẽ không thấy thay đổi và kết quả dự báo không có giá trị. Khoa học công nghệ dù phát triển nhanh đến đâu và ngày càng tác động mạnh đến xu thế phát triển của thế giới thì thế giới vẫn cần thời gian để biến đổi về chất. Ngược lại, dự báo quá xa, nhất là trong thời đại thông tin ngày nay là ảo tưởng, xa rời thực tế. Thế giới hiện thực luôn luôn trong trạng thái động, mặc dù nó diễn ra theo những quy luật riêng của nó. Thế giới càng phát triển thì chu kỳ thay đổi và đổi mới càng diễn ra nhanh chóng.

Chúng ta quen nhìn nhận sự vật trong giới hạn 5 năm, nhưng trên thực tế, trừ phi có đột biến, nếu không trong môi trường quốc tế hay quốc gia không thể có thay đổi trọng đại trong thời hạn ngắn như vậy. Trong lịch sử phát triển của mình, con người cũng đã cố gắng xác định các chu kỳ biến đổi khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng với tốc độ phát triển công nghệ thông tin như hiện nay, cứ 15 năm toàn bộ tri thức trong một lĩnh vực sẽ được đổi mới hoàn toàn. Do vậy, dự báo thế giới và quan hệ quốc tế không thể vượt quá 20 năm. Nếu xem xét những sự kiện diễn ra trong thế kỷ XX, ta thấy cứ 20 hoặc 25 năm lại diễn ra một sự kiện trọng đại: năm 1918 chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc mở đầu sự đi xuống của châu Âu và cách mạng Tháng Mười Nga đánh dấu sự ra đời của Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa; năm 1945 chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, trật tự hai cực hình thành do Mỹ và Liên Xô khống chế; thập kỷ 60 là thập kỷ của giải phóng dân tộc; năm 1990 trật tự hai cực chấm dứt và nghịch lý là thế giới bước vào một thời kỳ khó dự báo. 25 năm sau (tính đến 2015), con người quen với một thế giới chưa phân rõ cực hay đa cực như nhiều người nói (đây vẫn là tư duy của thời kỳ chiến tranh lạnh).

Hơn thế nữa, môi trường thế giới luôn biến động và khó kiểm soát bởi vì nó phụ thuộc vào nhiều thông số khác nhau. *Trước hết* đó là số lượng những tác nhân - chủ thể (actors) của quan hệ quốc tế. *Thứ hai* là mối quan hệ tương tác giữa các chủ thể. Sự tác động này lại phụ thuộc vào chính sức mạnh và vị trí của từng chủ thể và vào mối quan hệ của

từng chủ thể đối với các chủ thể khác. *Thứ ba* là chính bản thân môi trường quốc tế. Thật vậy, có rất nhiều yếu tố tạo nên hoặc tác động đến môi trường quốc tế và chính những yếu tố này cũng luôn luôn biến đổi theo chiều thuận hoặc nghịch tuỳ thuộc vào thời gian, không gian và vị thế của mỗi chủ thể. Khi nói một một trật tự thế giới ra đời, ta muốn nhấn mạnh và khái quát hoá những quy luật vận động hơn là hình hài của nó. Với tất cả những thực tế trên có thể nói *đan xen và đa dạng* là một trong những đặc thù của quan hệ quốc tế. Vấn đề cần ghi nhận và nhấn mạnh là *mức độ đan xen đến đâu*, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào các thông số nêu trên.

Theo Robert Jewis, có 8 lý do giải thích tại sao môi trường thế giới thay đổi khó dự báo: (i) Khoa học xã hội không hề có định lý khả dĩ có thể tuân theo; (ii) Bất cứ một nhân tố nào cũng không thể phát huy tác dụng quyết định; (iii) Học tập có thể thay đổi hành vi; (iv) Nhân dân và chính phủ đều có quyền lựa chọn của mình; (v) Môi trường trong nước và ngoài nước đều có thể thay đổi; (vi) Có thể xuất hiện hệ thống thế giới mới; (vii) Những sự kiện ngoài ý muốn không thể nắm bắt được, từng giờ, từng lúc đều có thể xảy ra; (viii) Bản thân lịch sử có cái biến và cũng có cái bất biến.[2]

Vấn đề không phải là có 8 lý do hay ít hơn hoặc nhiều hơn thế. Điều cần nhận thức là dự báo thế giới ngày nay là công việc rất phức tạp, tỉ mỉ và đặc biệt phải khoa học. Kết quả dự báo không thể chính xác như mong đợi, nhưng điều quan trọng là dự báo được xu thế phát triển của thế giới và quan hệ quốc tế. Một điều nữa cần nói tới là trong mỗi cá thể và mỗi sự vật luôn tồn tại hai mặt của vấn đề, đó là cái bất biến và cái khả biến; trong khoa học tự nhiên gọi là tính chất vật lý học và tính chất hóa học.

---

[2] Nữu Tiến Chung, *Dự báo chiến lược thế kỷ XXI*, Tiếng Việt, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội 2002.

Quá khứ và hiện tại

Thế giới là một thể thống nhất. Dù nó có biến đổi đến đâu thì vẫn phải có tính kế thừa. Như loài người chứng kiến, một cuộc cách mạng xã hội, dù cấp tiến đến đâu thì cũng không thể phá bỏ tận gốc những gì đã tồn tại trước đó, mặc dù đôi khi những đầu óc cuồng tín tuyên bố phải "đào tận gốc", " trốc tận rễ" (table rase). Cách mạng có thể thay đổi được hệ thống chính trị, áp dụng hệ tư tưởng mới, thậm chí hệ thống giá trị mới, nhưng không xóa bỏ được bản sắc dân tộc.

Trở lại vấn đề biến đổi của thế giới, tính kế thừa được thể hiện dưới ba hình thức: (i) Thế giới cũ đã hình thành và phát triển thế nào; (ii) Đâu là những yếu tố mới đang xuất hiện và sẽ phát triển trong thế giới mới; (iii) Mức độ đoạn tuyệt giữa thế giới cũ và thế giới mới.

Thật vậy, muốn dự báo được thế giới mới thì phải hiểu rất kỹ thế giới cũ. Nói cách khác, cơ sở căn cứ vào đó để dự báo cái mới chính là cái cũ. Khi thế kỷ XX sắp kết thúc, đặc biệt khi Liên Xô tan rã và trật tự hai cực chấm dứt, nhiều người vội kết luận rằng thế giới sẽ ổn định hơn, khuôn phép hơn và dân chủ hơn. Nhưng những gì diễn ra từ thập kỷ 90 thế kỷ XX đến nay cho thấy môi trường thế giới luôn luôn sôi động, mâu thuẫn này mất đi mâu thuẫn mới sẽ xuất hiện. Nói như vậy để khẳng định rằng cái cũ mất đi vẫn để lại di sản của nó.

Kế thừa không chỉ có nghĩa là tiếp tục. Điều quan trọng là rút ra và hiểu được các bài học: bài học thành công và bài học thất bại. Bài học thành công để tiếp tục và bài học thất bại để tránh. Nhìn vào thiết chế quốc tế ở thế kỷ XX, ta thấy từ Hội Quốc Liên đến Liên Hợp Quốc có một sự khác biệt rất lớn. Sự khác biệt này xuất phát từ hoàn cảnh ra đời của hai tổ chức này và sự tê liệt của Hội Quốc Liên khi so sánh với tính hiệu quả tương đối của Liên Hợp Quốc. Song hoạt động của Liên Hợp Quốc trong vòng 50 năm chiến tranh lạnh cho ta nhiều bài học để dự báo

phương hướng, phương cách cũng như các biện pháp cải tổ Liên Hợp Quốc trong tương lai.

Bên cạnh những bài học kinh nghiệm từ thế giới cũ, ta cần nhìn thấy những nhân tố mới đã và đang xuất hiện. Chính những nhân tố mới này giúp ta dự báo kế thừa, cải tổ cái cũ hay kế thừa xây dựng cái mới. Nếu vẫn lấy Liên Hợp Quốc làm ví dụ phân tích, ta thấy Liên Hợp Quốc không phát huy được vai trò của nó như quy định trong Hiến chương của nó trong suốt những thập kỷ chiến tranh lạnh vì đối đầu Xô-Mỹ chi phối mọi hoạt động của nó. Nhưng khi Liên Xô, một trong những nước sáng lập, tan rã, trật tự hai cực không còn, không mấy người dự báo Liên hợp quốc sẽ tan rã theo vì nhân tố mới vẫn chưa đủ mạnh, Mỹ và nhiều nước khác vẫn thấy cần duy trì Liên Hợp Quốc và điều cần làm là cải tổ Liên Hợp Quốc. Cải tổ thế nào? Khi nào? Duy trì cái gì và bỏ cái gì? Những câu trả lời cho những câu hỏi này phụ thuộc vào những nhân tố mới như các chủ thể mới của quan hệ quốc tế, những đặc điểm và xu thế chủ đạo, nhận thức của nhân loại về tương lai, trào lưu dân chủ hóa trong đời sống quốc tế...

Nhìn lại thế kỷ XX để dự báo thế kỷ XXI

Hệ thống chính trị thế giới trong thế kỷ XX

Đặc điểm nổi bật nhất của trật tự hai cực trong chiến tranh lạnh là sự đối đầu một mất một còn giữa hai khối, trong đó an ninh và quốc phòng là ưu tiên hàng đầu của cả Liên Xô và Mỹ, cũng như của các nước lớn kế cận. Tất cả các nước đều bị lôi cuốn vào cuộc đối đầu Xô-Mỹ và phải xác định chỗ đứng của mình trong thế đối đầu này, hoặc thân Liên Xô, hoặc thân Mỹ. Do nhu cầu tập hợp lực lượng, cả hai siêu cường sẵn sàng "bỏ qua các khuyết tật" của các nước khác, miễn sao họ đứng về phía mình là được. Về cơ bản, quan hệ quốc tế lúc này không quá phức tạp để dự báo; mục tiêu theo đuổi và phương thức hành động của hai

khối nói chung là khá rõ ràng; mọi mưu toan phá vỡ hay làm lu mờ trật tự này đều bị trấn áp hay bị không chế để không làm đảo lộn trật tự hai cực. Song, không vì thế mà quan hệ quốc tế trong thời kỳ chiến tranh lạnh chỉ phát triển thuận chiều, không mang tính chất đan xen. Thật vậy, mặc dù hai siêu cường tìm mọi cách để không có bất cứ nước nào thoát ra khỏi vòng cương tỏa của mình, trật tự hai cực vẫn có những phát triển ngoài khuôn khổ. Đó là xu hướng ly tâm trong cả hai khối và phong trào không liên kết.

Trong thế giới phương Tây, biểu hiện của sự ly tâm chính là nước Pháp. Nhưng phải thừa nhận rằng sự rạn nứt giữa Pháp và Mỹ vẫn nằm trong khuôn khổ kiểm soát được, hay nói cách khác đó là cặp tình nhân "đồng sàng dị mộng" chưa đi đến đoạn tuyệt, ly dị với nhau. Thực tế là Pháp muốn độc lập với Mỹ về chính sách quốc phòng và thực thi một chính sách đối ngoại tự chủ trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và có vai trò trong quan hệ với các nước khác, nhất là với các nước thuộc địa cũ tại châu Phi, trong khi mà họ vẫn xác định là đồng minh của Mỹ và lực lượng hạt nhân của Pháp vẫn nằm trong khối NATO nếu chiến tranh giữa hai phe nổ ra.

Trong khi đó, nội tình trong khối xã hội chủ nghĩa phức tạp hơn nhiều. *Thứ nhất* là Liên Xô không dung thứ bất cứ sự "ly khai" nào ở Đông Âu. Nam Tư bị khai trừ ra khỏi khối từ những năm 50 khi mà Tito không muốn tuân thủ mọi "mệnh lệnh" từ Liên Xô. Liên Xô cùng các nước thành viên Hiệp ước Vacsava đưa quân vào Hung-ga-ri năm 1957 và vào Tiệp Khắc năm 1968 khi xảy ra bạo loạn chính trị ở hai nước này. *Thứ hai* là mâu thuẫn Trung Quốc - Liên Xô đã dẫn đến sự chia rẽ sâu sắc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Thậm chí, chiến tranh nóng đã nổ ra giữa hai nước và đến thập kỷ 80, mâu thuẫn đã trở thành đối kháng. Trước đây nhiều người coi rằng đó chẳng qua chỉ là sự xung khắc về quan điểm, nhưng trên thực tế, đây chính là mâu thuẫn về

lợi ích dân tộc và vai trò lãnh đạo trong phe xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc muốn tập hợp lực lượng riêng của mình trong khi mà Liên Xô không muốn chia sẻ vai trò với bất cứ nước nào, kể cả với Trung Quốc. Điều có vẻ nghịch lý là quan hệ Nga và Trung Quốc hiện nay lại "xuôi chèo mát mái" hơn thời Liên Xô còn tồn tại. Vấn đề không đến nỗi khó hiểu lắm vì hiện nay Trung quốc đã có vai trò riêng của mình trong quan hệ quốc tế và cả Nga và Trung quốc đều cùng chung lợi ích trong việc chống lại sự bá quyền của Mỹ và muốn vươn lên thành các cực đối trọng với Mỹ.

Đặc điểm thứ hai là sự đan xen trong quan hệ quốc tế thời kỳ chiến tranh lạnh, là sự ra đời của Phong trào Không Liên kết. Khi chiến tranh lạnh phát triển đến đỉnh điểm, nhiều nước muốn đứng giữa hai khối và tạo dựng ra con đường thứ ba. Đó là quan điểm "không bên này, không bên kia" và trung lập tuyệt đối, thậm chí có mưu toan đồng nhất chiến tranh xâm lược với chiến tranh giải phóng dân tộc. Nhưng trên thực tế, đại đa số các nước thành viên Phong trào Không Liên kết đều phải bày tỏ quan điểm của mình về những vấn đề nóng bỏng của thời đại như độc lập dân tộc, sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản, ba dòng thác cách mạng, mô hình phát triển...

Quả là bản chất của quan hệ quốc tế như vậy là phức tạp; hai hiện tượng này thể hiện tính đan xen của nó và không một quốc gia nào hay một tập hợp nào có thể định ra một khuôn khổ mà mọi quốc gia phải tuân thủ tuyệt đối. Có thể có hai nguyên do lý giải những hiện tượng phát triển ngoài khuôn khổ này. *Thứ nhất* là quan hệ quốc tế là sự cọ sát về lợi ích. Bất cứ nước nào, nếu đặt lợi ích dân tộc lên trên hết thì không bao giờ chấp nhận những áp đặt phi lý làm tổn hại đến lợi ích của họ. Nếu thực tế quan hệ quốc tế diễn ra như vậy, họ buộc phải tìm cách phá vỡ những gì đang kìm hãm họ. Trở lại trường hợp quan hệ Pháp - Mỹ, Pháp không muốn "theo đuôi" Mỹ hoàn toàn vì lợi ích của họ nằm ở chỗ họ

phải theo đuổi một chính sách đối ngoại độc lập và xây dựng một chiến lược răn đe hạt nhân riêng rẽ. Chỉ có vậy thì họ mới có tiếng nói trong trật tự hai cực do Mỹ và Liên Xô khống chế. Điều này cũng giải thích tại sao Pháp không mặn mà lắm với việc nước Đức thống nhất khi bức tường Béc Lin sụp đổ. Một điều nữa cần nhấn mạnh là lợi ích trong quan hệ quốc tế là một khái niệm rất rộng, đôi lúc nó là những vật chất rất cụ thể, rõ ràng, nhưng cũng có thể chỉ là tham vọng, lợi ích địa-chiến lược không cân đong đo đếm như thông thường được. *Thứ hai* là xã hội quốc tế khác với xã hội quốc gia ở chỗ không có gì mang tính ràng buộc cả. Trong khuôn khổ một quốc gia, luật pháp và các quy định hành chính đều mang tính bắt buộc tuân thủ, thậm chí phong tục tập quán ở nơi này, nơi kia cũng mang tính áp đặt; mọi mưu toan chống đối hay vượt khỏi khuôn phép thường bị trấn áp. Ngược lại, luật pháp quốc tế, cũng như các phán quyết của Toàn án quốc tế, thậm chí những nghị quyết của Liên Hợp Quốc thường chỉ mang tính khuyến nghị. Như vậy, mọi trật tự thế giới đều mang tính lỏng lẻo.

Khuynh hướng ly tâm trong nội bộ hai khối và Phong trào Không Liên kết về cơ bản không làm thay đổi tính chất đối đối đầu một mất một còn giữa Liên Xô và Mỹ. Nhưng trên thực tế nó đã gây ra một số đảo lộn đối với trật tự hai cực, thể hiện tính chất đan xen của quan hệ quốc tế. Thời kỳ chiến tranh lạnh đã được nhà nghiên cứu Pháp Raymon Aron gọi là thời kỳ "chiến tranh hầu như không thể xảy ra và hoà bình không thể có (la guerre est improbable, la paix est impossible)". Bên cạnh hai bất thường này, nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng đã xảy ra trong các khu vực khác nhau trên thế giới. Đó là sự phong toả Béc Lin năm 1949, cuộc khủng hoảng kênh đào Xuê năm 1956, cuộc khung hoảng tên lửa ở Cu-ba năm 1962, và các cuộc chiến tranh cục bộ khác.

Nhiều người cho rằng nhân loại luôn nằm trên miệng hố chiến tranh thế giới, nhưng trên thực tế, tình hình thế giới không khó kiểm soát

như người ta nghĩ và hầu như mọi chuyện đều do Mỹ và Liên Xô định đoạt. Tình hình thế giới nhiều lúc rất căng thẳng, chẳng hạn như trong cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cuba, nhưng quan hệ quốc tế lại không quá phức tạp vì mọi sự việc đều diễn ra trong một khuôn khổ nhất định và do Mỹ và Liên Xô kiểm soát. Mọi vấn đề đều quy về mâu thuẫn đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Nói tóm lại, quan hệ quốc tế về cơ bản vẫn diễn ra trên một mặt phẳng, mặc dù đặc thù nổi bật của nó là ba dòng thác cách mạng và bốn mâu thuẫn của thời đại.

Thế giới trong những thập kỷ đầu thế kỷ XXI

Theo các nhà phân tích quốc tế, thế giới và quan hệ quốc tế trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI đã và đang phát triển theo chiều hướng đã được nhận định trong các văn kiện của Đảng ta từ đại hội IX đến nay, nhưng có những nét mới cần được theo dõi và nghiên cứu.

Một là, sau một thời gian chuyển tiếp, trật tự thế giới mới đã bắt đầu định hình. Đó là trật tự nhất siêu đa cường chuyển dần sang đa cực với những đặc trưng: (i) So sánh lực lượng thay đổi theo hướng giảm bá quyền của Mỹ và tăng sức mạnh của các cực mới đang hình thành ngày một rõ nét; (ii) Mỹ không thể thao túng mọi vấn đề và ngày càng phải hợp tác với các cường quốc khác. Ngược lại, các nước này ngày càng khẳng định vai trò của mình. Mỹ cùng các nước lớn khác tiếp tục thể hiện vai trò lãnh đạo của họ đối với thế giới, quyết định mọi công việc quốc tế và dễ thoả hiệp với nhau hơn khi lợi ích của họ trùng hoặc gần nhau. Trong tương lai gần, câu lạc bộ các nước lớn có lẽ không còn là P5 hay G8 nữa mà nay có thêm G20; (iii) Trật tự thế giới mới vừa đa dạng vừa tổng thể liên quan đến mọi khía cạnh của đời sống quốc tế. Thế giới thực sự là một cái làng trong đó loại người phải chia sẻ mọi vấn đề: cả xấu lẫn tốt và có trách nhiệm với nhau về mọi vấn đề. Tính ích kỷ sẽ bị lên án; (iv) Bản chất của quan hệ quốc tế là vừa hợp tác vừa đấu tranh. Đấu tranh không để đổ vỡ đến mức xảy ra xung đột nhất là giữa các

nước lớn; hợp tác không đi đến liên minh để chống một nước nào; (v) Tính đan xen trong QHQT ngày càng được khẳng định với những nét sau: Quan hệ ở nhiều tầng nấc khác nhau; Tính tuỳ thuộc ngày càng lớn; Nhiều vấn đề quốc tế mới nảy sinh, nhất là những vấn đề an ninh phi truyền thống như khủng bố, dịch bệnh, thiên tai, môi trường, biến đổi khí hậu, tranh chấp kinh tế, an ninh lương thực, an ninh con người...; Ranh giới giữa đối nội và đối ngoại ngày càng lu mờ; Xuất hiện nhiều chủ thể mới phi quốc gia trong quan hệ quốc tế như công ty đa quốc gia, tổ chức phi chính phủ, chủ nghĩa khủng bố, các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia, xã hội dân sự...; (vi) Thế giới thay đổi nhanh chóng và khó nắm bắt được các xu thế vận động của nó. Điều này đòi hỏi xây dựng lòng tin trong quan hệ quốc tế và áp dụng ngoại giao phòng ngừa để ngăn chặn mọi nguy cơ xung đột và như vậy, vai trò của Liên Hợp Quốc cần được củng cố và chủ nghĩa đa phương ngày càng lấn lướt.

Hai là, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế, hầu như không có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới hoặc chiến tranh trực tiếp giữa các nước lớn. Tuy nhiên, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, tranh chấp về lãnh thổ, biển đảo và tài nguyên thiên nhiên, hoạt động can thiệp, lật đổ, chủ nghĩa khủng bố, ly khai có chiều hướng gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp. Khả năng nước lớn sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế với các nước nhỏ có chiều hướng tăng lên. Xu hướng tăng cường, hiện đại hoá quốc phòng, cạnh tranh về các vấn đề vũ khí chiến lược, vũ trụ gia tăng giữa một số nước lớn và ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ba là, các cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính diễn ra từ những năm đầu của thế kỷ XXI làm bộc lộ những khiếm khuyết và thực tế sau: (i) Toàn cầu hoá bước sang một giai đoạn mới với phương thức mới. Nhưng điều chắc chắn là không thể phó mặc cho thị trường quyết định

mọi vấn đề của nền kinh tế thế giới. Các quốc gia sẽ theo dõi chặt chẽ hơn mọi xu thế và giao động của nền kinh tế thế giới; (ii) Các nước đều thấy rằng điều cấp bách là phải có biện pháp để kiểm soát thị trường tài chính. Câu hỏi đặt ra là nhà nước hay một tổ chức quốc tế làm điều này? Hiện nay vẫn tồn tại hai tổ chức tài chính quốc tế, đó là Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế được thành lập từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với tên gọi là hệ thống Bretton Wood. Điều chắc chắn là nếu cải tổ hai tổ chức này thì việc phân định trách nhiệm và nghĩa vụ giữa các nước lớn trong hai tổ chức này sẽ thay đổi do sự trỗi dậy lớn mạnh của một số nước vừa tham gia G20, đặc biệt Trung Quốc, nhất là từ sau năm 2015, khi đồng tiền Nhân dân tệ đã được đưa vào "rổ" tiền tệ của Quỹ tiền tệ quốc tế; (iii) Tính minh bạch trong tiền tệ và thuế khóa ngày càng là đòi hỏi bức xúc trong quản trị toàn cầu. Vụ Hồ sơ Pa-na-ma (Panama Papers) xảy ra tháng 4/2016 là một quả bom về cách trốn thuế, rửa tiền liên quan đến các yếu nhân trong đó có nhiều nguyên thủ quốc gia hay gia đình họ là một minh chứng.

Bốn là, vai trò, ảnh hưởng và sức mạnh của Châu Á - Thái Bình Dương ngày càng tăng lên; cán cân quyền lực chuyển dần sang châu Á và có dự kiến cho rằng thời điểm đó là năm 2050 khi GDP của Trung Quốc bằng Mỹ. Hiện nay có một số nét mới đáng lưu ý: (i) ảnh hưởng của Trung Quốc và các cường quốc khu vực khác như Nhật Bản, Nga, Ấn Độ ngày càng tăng làm cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, tạo ra những xu thế tập hợp lực lượng mới. Điều đáng lưu ý là tập hợp lực lượng dựa trên lợi ích quốc gia và tùy thuộc vào mối quan tâm cũng như những vấn đề đặt ra ở thời điểm cụ thể đối với mỗi quốc gia; (ii) trạng thái vừa hợp tác vừa đấu tranh là khuôn khổ chung cho quan hệ quốc tế, nhưng chủ yếu xoay quanh các nước lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc; (iii) nhiều thể chế đa phương, cơ chế hợp tác và đối thoại giữa các nước trong khu vực đã và sẽ tiếp tục hình thành để điều tiết các mối quan hệ quốc tế đan xen phức

tạp; (iv) khu vực này vẫn còn tồn tại một số vấn đề và điểm nóng chưa được giải quyết như Đài Loan, Bán đảo Triều Tiên, tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông v.v...; (v) xã hội dân sự bắt đầu hình thành và quan tâm đến các vấn đề của một xã hội thông tin như tự do, dân chủ, nhân quyền... Chính phủ mỗi nước sẽ có cách ứng xử riêng - ủng hộ hay hạn chế - đối với xã hội dân sự tùy thuộc vào đặc thù của mỗi nước.

Năm là, tại Đông Nam Á, với việc thông qua Hiến chương ASEAN và Cộng đồng ASEAN bắt đầu đi vào hoạt động từ cuối năm 2015, ASEAN đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới theo hướng thể chế hóa cao hơn và ràng buộc chặt chẽ hơn về pháp lý. Nhưng nội tình một vài nước không ổn định làm giảm vai trò của Hiệp hội. Vẫn tồn tại hai xu hướng ứng xử trong nội bộ ASEAN: hoặc các nước ASEAN thống nhất, đoàn kết nhằm có một tiếng nói chung về những vấn đề trọng yếu, hoặc các nước áp dụng phương thức "tùy nghi ứng xử". Đông Nam Á tiếp tục là địa bàn tranh chấp chiến lược rất mạnh giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ-Trung, Trung-Nhật. Nhật Bản rất lo ngại các nước ASEAN ngả theo Trung Quốc và xa rời Mỹ.

Khoa học, công nghệ, mô hình phát triển

Trong thế kỷ XX con người đã sản sinh ra biết bao phát minh, sáng chế và trí tuệ con người hầu như không có giới hạn. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ lần thứ ba bắt đầu vào giữa thế kỷ XX mà đặc trưng là cuộc cách mạng tin học. Khi khoa học và công nghệ gắn chặt với nhau đã làm đảo lộn những khái niệm quen thuộc về thế giới vật chất, đưa tới những thành tựu kỳ diệu trong mọi lĩnh vực khoa học, đồng thời tạo ra những biến đổi nhanh chóng và sâu sắc trong mọi mặt đời sống nhân loại, rút ngắn mọi khoảng cách và xóa nhòa mọi ngăn cách tự nhiên lẫn nhân tạo trên trái đất.

Trong thế kỷ XXI, cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục là động lực chủ yếu đối với tiến trình phát triển của kinh tế thế giới. Hệ quả là cơ

cấu kinh tế thế giới sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ sang nền kinh tế tri thức với những đặc điểm mới về chu kỳ, tốc độ phát triển, môi trường cạnh tranh, tạo ra các cơ hội cũng như thách thức mới đối với các nước.

Các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản vẫn đi đầu trong khoa học công nghệ và chỉ một số nước hay lãnh thổ đang phát triển như Hàn Quốc, Singapore Hồng Kông, Đài Loan thực sự thành công trong chiến lược công nghiệp hóa và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế. Vào thập niên cuối của thế kỷ XX, Trung Quốc đang vươn lên là một cường quốc về mọi mặt. Đại đa số các nước khác vẫn loay hoay về mô hình phát triển hay chưa thể bứt phá lên được do vẫn chỉ phát triển kinh tế theo bề rộng. Trong bối cảnh đó, cạnh tranh về khoa học và công nghệ ngày càng diễn ra một cách gay gắt, quyết liệt. Các nước phát triển vẫn muốn độc quyền các công nghệ chủ chốt, đi đầu trong phát triển công nghệ mới, từ đó giữ được vị thế có lợi trong cạnh tranh sức mạnh toàn cầu. Các nước chậm phát triển hơn ra sức thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ của các nước phát triển, nhằm có được một vị trí thuận lợi hơn trong phân công lao động quốc tế.

Toàn cầu hoá

Toàn cầu hóa là một hiện tượng khách quan và có tính ràng buộc đối với tất cả các nước, kể cả các nước lớn. Xu thế này tiếp tục phát triển sâu sắc hơn, chuyển từ kinh tế sang mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả chính trị và thiết chế. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, ngày càng có nhiều nước chấp nhận mô hình kinh tế thị trường với những quy luật của nó về quan hệ thương mại, đầu tư và phân công lao động quốc tế dựa trên lợi thế so sánh của mỗi quốc gia. Điều này tạo điều kiện và cơ sở cho tất cả các nước có thể tham gia vào nền kinh tế toàn cầu và đẩy nhanh tiến trình khu vực hoá và toàn cầu hoá. Hơn nữa, toàn cầu hóa đòi hỏi mọi nước phải tự điều chỉnh và thay đổi cho phù hợp. Trước hết đó là thay đổi về tư duy nhận thức, theo đó không một quốc gia nào có thể

đóng cửa để tự phát triển kinh tế mà không cần đến nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, thị trường, nhiên liệu... từ bên ngoài. Nhận thức này thúc đẩy các nước ngày càng mở cửa rộng hơn về kinh tế, hội nhập sâu rộng hơn và từ đó đẩy nhanh hơn tình trạng tuỳ thuộc lẫn nhau.

Tình trạng lệ thuộc lẫn nhau còn được thể hiện trong việc xuất hiện các vấn đề toàn cầu mới: khủng bố, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, đói nghèo, môi trường... Đây là những vấn đề không chỉ mang tính toàn cầu về quy mô, mà hơn thế nữa mọi giải pháp đòi hỏi một sự hợp tác quốc tế toàn diện, không một nước nào, dù lớn hay nhỏ có thể tự giải quyết nếu không có hợp tác với bên ngoài.

Câu hỏi đặt ra là dưới tác động của khoa học, công nghệ và cuộc chạy đua về lợi nhuận, toàn cầu hóa sẽ đi đến đâu? Con người có thể kiểm soát và định hướng được toàn cầu hóa không? Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính năm 2008, con người nhận rõ hơn mặt trái của toàn cầu hóa và chủ trương hai cách ứng xử song song: hòa nhập quốc gia mình vào tiến trình toàn cầu hóa để tận dụng mọi lợi thế, đồng thời duy trì trong chừng mực có thể sự kiểm soát bằng cách giảm cam kết với bên ngoài. Sự ra đời của các tổ chức, hay liên kết xuyên khu vực như TPP, song song với WTO liệu có phải là những chiến lược hữu hiệu, thích đáng?

Thế giới đổi thay nhanh chóng về mọi mặt, buộc các nước đều phải ứng xử một cách uyển chuyển và nhanh nhạy hơn, luôn luôn đổi mới tư duy nhận thức: nhận thức về thế giới, nhận thức về quan hệ quốc tế, về quy luật phát triển của sự vật, về cách hành xử trên quốc tế và trong nội bộ nước mình; thay đổi cách nhìn về các nước khác... Kế đến phải sẵn sàng thay đổi hay điều chỉnh những gì mỗi nước đã có sẵn hay đã xây dựng lên mà nay không còn phù hợp nữa: cơ cấu kinh tế, phương thức và nội dung đào tạo nhân lực, bộ máy nhà nước, phương thức quản lý ... Hội nhập hay tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là vấn đề sống

còn đối với các nước nhỏ vì nó cho phép các nước này tận dụng được môi trường quốc tế và các mối quan hệ đan xen để bảo vệ lợi ích và cưỡng lại được sức ép của các nước lớn. Hội nhập khu vực sẽ giúp các nước nhỏ tập hợp lại trên cơ sở lợi ích song trùng để cưỡng lại sự cạnh tranh và sức ép của các nước lớn.

Quan niệm về chiến tranh và cuộc chiến chống khủng bố

Quan niệm về bản chất của chiến tranh thay đổi theo thời đại. Trước đây, chiến tranh là phương cách cuối cùng để giải quyết xung đột giữa các quốc gia; nguyên nhân chủ yếu của chiến tranh là xung đột lợi ích và trước hết là tranh chấp lãnh thổ và chiến tranh bao giờ cũng có người thắng kẻ thua.

Những tiến bộ về khoa học và công nghệ dẫn đến việc xuất hiện vũ khí hạt nhân vào giữa thế kỷ XX đã làm đảo lộn hoàn toàn bản chất chiến tranh. Chiến lược răn đe và cân bằng khủng bố đã làm nhụt chí của những ai muốn dùng sức mạnh quân sự để áp đặt ý chí của mình. Ngày nay, chiến tranh là huỷ diệt và không thể dự báo trước ai thắng ai thua. Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh ngày càng phức tạp và đa dạng hơn nhiều, như: tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, kinh tế, sắc tộc, gây ảnh hưởng, văn hoá, tôn giáo, ... Phạm vi chiến tranh có thể là quốc tế, quốc gia và thậm chí cả nội bộ sắc tộc. Do vậy, đàm phán thay thế chiến tranh để dàn xếp xung đột; Ngoại giao phòng ngừa hay ngoại giao giải quyết xung đột gặp nhau ở đây và trùng hợp nhau về mọi phương diện. Đây cũng là một trong những lý do để củng cố vai trò của Liên Hợp Quốc và các tổ chức khu vực, quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và lệ thuộc lẫn nhau đang tăng lên, với tư duy mới về an ninh và phát triển và kinh nghiệm đau thương về chiến tranh, có thể nói ít có khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc trong những thập kỷ tới, dù cho đấu tranh giữa các nước lớn nhằm tập hợp lực lượng - ngày càng phức tạp và đa chiều - nhằm sắp xếp lại trật tự thế giới có thể diễn ra phức tạp và căng thẳng.

Xung đột cục bộ có khả năng ngày càng phức tạp hơn. Tình trạng nước lớn đánh nước nhỏ, các nước lớn "xung đột" ở khu vực "ngoại vi", xung đột về biên giới, lãnh thổ, chiến tranh giữa các nước nhỏ... diễn ra một cách phổ biến hơn. Mâu thuẫn sắc tộc và tình trạng bạo loạn cũng diễn ra phổ biến ở nhiều nước. Tình hình nội trị của nhiều nước sẽ tiếp tục có nhiều phát triển phức tạp. Trào lưu dân chủ hóa thông qua các hình thức bầu cử và các diễn biến chính trị khác như đảo chính quân sự, phong trào ly khai, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo cực đoan sẽ tiếp tục diễn ra ở nhiều nước.

Chủ nghĩa khủng bố ngày càng phát triển với những đặc điểm rất mới chưa có tiền lệ trong quan hệ quốc tế: (i) Chủ nghĩa khủng bố xuất hiện, hoạt động không đơn lẻ, mang tính toàn cầu, kiểm soát những vùng lãnh thổ rộng lớn, liên quốc gia làm bàn đạp tấn công vào các nước khác; (ii) Nó tập hợp được nhiều thành phần, cá nhân từ khắp nơi vì nhiều lý do khác nhau, không chỉ từ các nước vốn được coi là hang ổ của chủ nghĩa khủng bố; (iii) Nó tìm cách sử dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin phục vụ cho những hoạt động khủng bố; (iv) Cho đến nay chưa tạo ra được một phương thức phù hợp ở cấp độ toàn cầu nhằm đối phó với chủ nghĩa khủng bố và cũng chưa dự báo được nó sẽ phát triển như thế nào trong tương lai.

Cuộc chiến chống khủng bố tiếp tục chi phối chiến lược, chính sách đối nội cũng như đối ngoại của hầu hết các nước, làm thay đổi cách nhìn nhận về nhiều vấn đề quốc tế và buộc các nước phải nhìn nhận lại cách tiếp cận quan hệ với nhau. Chính cuộc chiến chống khủng bố đã củng cố vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Lợi dụng cuộc chiến này, Mỹ gây sức ép buộc các nước phải chấp nhận một số biện pháp an ninh của Mỹ, tìm cách chi phối quan hệ quốc tế và chính sách của các nước. Trong cách giải quyết các khủng hoảng khác, Mỹ cũng đưa "tiêu chí chống khủng bố" lên hàng đầu, ngăn chặn phổ biến vũ khí giết người hàng loạt. Cách tiến hành,

diễn biến, quy mô và kết cục của cuộc chiến chống khủng bố, cũng như cách giải quyết các vấn đề toàn cầu khác sẽ tác động đến vấn đề tập hợp lực lượng và cách ứng xử của mỗi nước trong quan hệ quốc tế.

Quan hệ giữa các nước lớn và tác động đến các nước khác

Quan hệ giữa các nước lớn, đặc biệt quan hệ Mỹ - Trung sẽ chi phối quan hệ quốc tế nói chung và tác động đến quan hệ giữa các nước với một trong hai nước này. Các nước lớn tránh tối đa các cuộc đụng độ trực tiếp, tìm cách tập hợp lực lượng có lợi cho mình, kiềm chế nước khác, duy trì ổn định và nguyên trạng ở những nơi mà quyền lợi của họ bị đọng trạm trực tiếp nếu có đột biến.

Mỹ cần hợp tác hơn là đối đầu với mọi nước lớn nhằm duy trì tổng thể quan hệ quốc tế hiện nay trong đó Mỹ là siêu cường duy nhất và mọi vấn đề quốc tế không thể được giải quyết mà không có Mỹ. Do vậy, Mỹ sẽ buộc phải sử dụng nhiều đến quyền lực mềm thể hiện qua việc tìm cách cải thiện quan hệ với châu Âu, quan tâm, hay xoay trục trở lại châu Á và tìm giải pháp cho các cuộc khủng hoảng khu vực còn lại. Đặc biệt Mỹ nhìn nhận sự trỗi dậy của Trung Quốc như là một thực tế và ngày càng hợp tác hơn với Trung Quốc – mặc dù không bỏ lỡ những thời cơ thuận lợi khống chế Trung Quốc - để giải quyết các vấn đề quốc tế mà Trung Quốc có tiếng nói.

Xuất phát từ những chuyển biến mới trong quan hệ quốc tế, đặc biệt ở các nước thuộc Liên Xô cũ, Mỹ có chuyển hướng không can thiệp thô bạo mà khuyến khích tiến trình dân chủ bên trong mỗi nước nhằm gây sức ép đối với Nga và các nước trong SNG, đối với Trung Quốc, Việt Nam và các nước khác, đặc biệt về vấn đề nhân quyền, tự do, ...

Trung Quốc tìm cách lớn mạnh nhanh, đồng thời cố chứng minh là sự lớn mạnh của họ không đe dọa nước khác và Trung Quốc là một nước "bình thường", có trách nhiệm với thế giới và khu vực. Trong những

năm tới Trung Quốc vẫn tìm cách duy trì môi trường hòa bình để phát triển, triển khai "ngoại giao hòa bình" nhằm tập hợp lực lượng có lợi cho họ và tạo ra một hình ảnh "hấp dẫn" về quốc gia đông dân nhất này, đồng thời tham gia mạnh mẽ vào công việc quốc tế và khu vực, tránh đụng độ trực tiếp với Mỹ chỉ trừ phi lợi ích của họ bị Mỹ xâm hại như khuyến khích Đài Loan tuyên bố độc lập. Giấc mơ Trung Hoa phải chăng cả ở trong và ngoài Trung Quốc, phải chăng là biểu hiện của giấc mơ là biến mình thành trung tâm của thế giới trong những thập kỷ mới?

Sự lớn mạnh của Trung Quốc sẽ tác động cả tích cực lẫn tiêu cực đến khu vực và Việt Nam và luôn làm cho các nước lo ngại vì các nước thiếu lòng tin với Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Quốc sẽ gây sức ép mạnh hơn nữa đối với các nước, trước hết là Việt Nam trong quan hệ với Đài Loan và các vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. Với những gì diễn ra tại Biển Đông trong những năm đầu của thập niên thứ hai của thế kỷ XI, rất có thể Trung Quốc sẽ đặt các nước trước sự đã rồi trong vấn đề Biển Đông nhằm "quyết tâm bảo vệ lợi ích cốt lõi của Trung Quốc" mà ông Tập Cận Bình nhiều lần khẳng định công khai.

Các nước khác kể cả Ấn Độ công khai thừa nhận vai trò lãnh đạo của Mỹ trong quan hệ quốc tế và đặc biệt sự có mặt không thể thiếu được của Mỹ ở châu Á vì sự ổn định, hòa bình và cân bằng lực lượng ở khu vực và vì sự phát triển của các nước. Nhưng đồng thời, các nước trong khu vực đều điều chỉnh quan hệ theo hướng ngày càng cân bằng hơn với cả Trung Quốc và Mỹ nhằm vừa tận dụng cơ hội hợp tác với Trung Quốc, đồng thời vừa đối phó được với sự lớn mạnh của nước này nhờ vào quan hệ với Mỹ. Về các vấn đề ở Biển Đông, các nước khác đều phản ứng "thực dụng theo những nguyên tắc trong quan hệ quốc tế vì lợi ích của họ". Họ muốn tách bạch riêng rẽ các vấn đề liên quan đến Biển Đông: i) không can dự vào tranh chấp lãnh thổ giữa các nước, ii) ủng hộ giải quyết mọi tranh chấp trước tòa án quốc tế, như vậy chỉ có lợi cho

nước nhỏ, iii) giữ nguyên trạng nếu chưa có giải pháp và các bên kiềm chế đến mức tối đa, iv) chỉ lên tiếng khi an ninh và hòa bình bị đe dọa.

Hiện nay có hai nguyên tắc hàng đầu chi phối cách ứng xử của các quốc gia trong quan hệ quốc tế : i) lợi ích quốc gia, ii) có đi có lại.

Quan hệ giữa các nước lớn và việc các nước điều chỉnh quan hệ với Trung Quốc và Mỹ cho thấy rõ sự đan xen quan hệ và lợi ích trên thế giới hiện nay. ASEAN chỉ phát huy được vai trò khi quan hệ Mỹ-Trung Quốc có phần căng thẳng. Nếu quan hệ này quá căng thẳng đi đến khủng hoảng hoặc hai nước này thực sự "ăn ý" với nhau trong quan hệ quốc tế thì ASEAN có lẽ khó có thể có vai trò. Nhìn rộng ra thế giới, kịch bản mà các nước không muốn là trong tương lai Mỹ và Trung Quốc hoàn toàn nhất chí với nhau để lãnh đạo thế giới.

Trên đây chỉ là những dự báo và đã là dự báo thì mức độ chính xác tùy thuộc vào khả năng nghiên cứu. Dự báo là vẽ ra những bức tranh mang tính chấm phá theo quan điểm và cách nhìn nhận của tác giả về chủ đề muốn dự báo. Vì đây là bức tranh về cái chưa xảy ra, nghĩa là ảo nên dự báo bao giờ cũng đưa ra nhiều kịch bản khác nhau. Tương lai không xảy ra đúng với một kịch bản mà nằm trong một cái khung cảnh chứa đựng nhiều kịch bản khác nhau. Đó chính là dự báo dựa trên cơ sở phân tích khoa học quá khứ, hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nữu Tiến Chung, *Dự báo chiến lược thế kỷ XXI*, Tiếng Việt, Học viện Quan hệ Quốc tế, Hà Nội 2002.